

Dấu ấn Do Thái trong đạo Phật phương Tây

ISSN: 2734-9195 15:05 28/10/2026

Những nhân duyên tiềm ẩn đằng sau cội nguồn Do Thái của Phật giáo Tây phương quả thực vô cùng kỳ vĩ, và bản đạo tin rằng vẫn còn đó biên độ rộng lớn cho những cuộc đàm đạo thâm sâu về việc nhân duyên nào mang trọng lượng quyết định hơn cả.

Nhiều bậc trí giả người Do Thái đã tiên phong đặt nền móng cho Phật giáo tại phương Tây, Frank Descher từng khảo cứu tường tận hiện tượng này trong tiểu luận năm 2017 mang tựa đề: *“Những người Do Thái cải đạo sang Phật giáo và hiện tượng ‘Phật tử Do Thái’ (‘JuBus’) tại Hoa Kỳ, Đức và Israel”*.

Rodger Kamenetz, tác giả cuốn *The Jew in the Lotus* (Người Do Thái trong đoá sen), cũng ghi nhận rằng: *“Một phần ba số vị lãnh đạo Phật giáo phương Tây xuất thân từ cội nguồn Do Thái”*. Thuật ngữ “JuBu” (hoặc “JewBu”) ra đời chính từ sự dung hợp kỳ diệu ấy, khi có nhiều người Do Thái đã tiếp nhận Phật giáo trong buổi bình minh của phong trào truyền bá Đông phương sang phương Tây.

Đạo Phật tại phương Tây có được sự tăng trưởng mạnh mẽ và chiều sâu vững chắc như ngày nay, một phần lớn chính nhờ vào những nhân vật mang gốc gác Do Thái. Có thể kể đến những tên tuổi lẫy lừng như Bernie Glassman, Jack Kornfield, Joseph Goldstein, Sharon Salzberg, Jon Kabat-Zinn, Lama Surya Das (tên khai sinh Jeffrey Miller), Bhikkhu Bodhi (tên khai sinh Jeffrey Block) và Ram Dass (tên khai sinh Richard Alpert).

Nhân duyên gì mà Phật giáo Phương Tây có sự góp phần không nhỏ của cộng đồng Do Thái, chiêm nghiệm về những cội rễ khả dĩ, một vài lý do cốt lõi nổi bật như những cột mốc định hình dòng chảy ấy.

Chủ nghĩa thế tục trong lòng người Do Thái

Một trong những nguyên nhân tiên khởi dẫn dắt người Do Thái đến với Phật giáo chính là xu hướng thế tục hóa cao độ, họ thường không tự định vị mình là những tín đồ tuân giữ giới luật tôn giáo truyền thống, thay vào đó, nhiều người tự nhận là những kẻ vô thần hoặc đứng ngoài các lễ lối tín ngưỡng cũ.



(Ảnh: Internet)

Chẳng hạn, Ram Dass từng không tài nào tìm thấy chiều kích tâm linh sâu thẳm trong truyền thống Do Thái của mình; ông miêu tả nó là một sự “trống rỗng” - một cảm giác hụt hẫng hết như khi ông trải qua lễ Trưởng thành Tôn giáo (Bar Mitzvah) thuở niên thiếu: *“Điều đọng lại trong tôi về buổi lễ Bar Mitzvah ấy chỉ là sự trống rỗng của một nghi thức. Nó phẳng lặng. Phẳng lì tuyệt đối. Một sự hụt hẫng đáng thất vọng phủ chụp lên khoảnh khắc đó. Chẳng có gì, chẳng có gì, hoàn toàn chẳng có gì cho tâm hồn tôi cả”*.

Ông từng châm biếm rằng: *“Tôi chỉ mang dòng máu Do Thái ở phía cha mẹ mình mà thôi”*.

Tuy nhiên, việc chối bỏ những hình thức giáo điều của đạo Do Thái không đồng nghĩa với việc con người ta đánh mất đi những khát khao tâm linh sâu kín. Cũng giống như lý do khiến biết bao người vô thần ngoài cộng đồng Do Thái bị thu hút bởi Phật giáo, những người con của dân tộc Do Thái cũng tìm thấy một lực hấp dẫn tương đồng.

Nhiều bậc tiền bối mang gốc gác Do Thái của phong trào Phật giáo phương Tây vốn sinh trưởng tại Mỹ và rất ít hoặc hoàn toàn không thực hành tôn giáo theo truyền thống gia đình. Ngược lại, vào thập niên 60 và 70 - thời kỳ Phật giáo bắt đầu cắm rễ sâu rộng tại phương Tây, xã hội Mỹ chủ yếu bao gồm những tín đồ Cơ Đốc giáo thuần thành. Do đó, xét về mặt nhân khẩu học, những người Do

Thái - bao gồm cả những lữ khách từng bước trên “con đường hippie” (hippie trail) hướng về phương Đông trong những năm tháng ấy - dường như có sẵn tâm thế cởi mở, dễ tiếp thu, đón nhận và hoằng dương Phật giáo khi duyên lành hội ngộ.

Trong một chủ đề thảo luận trên nền tảng Reddit xoay quanh chính câu hỏi này, bình luận được cộng đồng tán thưởng nhiều nhất cũng đưa ra một góc nhìn tương đồng: *“Khi tôi đang học lớp nhập môn tiếng Do Thái, chính vị giáo sĩ Rabbín đã đề cập đến vấn đề này. Theo ngài, vào thập niên 60 và 70, đã có một sự dịch chuyển mạnh mẽ hướng về chủ nghĩa thế tục trong các Giáo đường Cải cách (Reform Synagogues). Rất nhiều thành viên - và cả những người có tiềm năng gia nhập - đã nhìn về phương Đông để tìm kiếm chốn nương náu cho đời sống tâm linh”.*

Bên cạnh đó, sau thảm họa Holocaust, đức tin truyền thống của người Do Thái một cách hiển nhiên đã phải hứng chịu một đòn chí mạng. Bi kịch tang thương ấy từng được gói gọn vô cùng ám ảnh trong bộ phim năm 2008 mang tên God on Trial (Đức Chúa Trời ra tòa), nơi ta chứng kiến một nhóm tù nhân Do Thái trong trại tập trung Auschwitz lập nên một phiên tòa tôn giáo để phán xét Thượng Đế vì đã dung túng cho thảm họa tàn khốc xảy ra.

Giữa cõi hoang tàn của đức tin và sự đứt gãy sợi dây liên kết với đạo Do Thái sau Thế chiến thứ Hai, vô số người Do Thái vẫn hoài niệm, đau đáu kiếm tìm một hình thái tâm linh thuần khiết để xoa dịu những vết thương nội tâm. Nhiều vị tiên phong mang cội nguồn Do Thái của Phật giáo phương Tây với đầy đủ nhân duyên và phương tiện, đã dẫn bước hành hương sang phương Đông.

Hành trình dâu bể ấy đã đưa họ đến với Phật giáo và thiền định, nơi họ tìm thấy một bến đỗ bình an và ý nghĩa tâm linh viên mãn cho cuộc đời.

Mối liên kết giữa đạo Do Thái và Phật giáo

Ở một chiều kích khác, nhiều người không phải gốc Do Thái từng hành hương về phương Đông, hết như các bậc tiền bối Do Thái của Phật giáo phương Tây đã ôm ấp tâm linh phương Đông thay vì gắn bó với đức tin Cơ Đốc giáo nơi họ đã lớn lên.

Hơn thế nữa, nhiều người trong số họ cũng sở hữu nền tảng học thức, giai cấp và tiềm lực tài chính tương đồng với những nhân vật Do Thái kể trên, tạo ra những tiền đề thuận lợi để chuyển hướng sang con đường trở thành một bậc thầy thiền định và hoằng pháp.

(Điều này không có nghĩa là chúng ta phủ nhận sự đóng góp của những vị truyền bá Phật giáo phương Tây ngoài nguồn Do Thái, chẳng hạn như Alan Watts hay Sangharakshita [tên khai sinh Dennis Lingwood]; nhưng sự góp mặt ấy vẫn đòi hỏi một lời giải thích thỏa đáng rằng tại sao người Do Thái - một cộng đồng chiếm chưa đầy 3% tổng dân số Hoa Kỳ, lại xuất hiện với một tỷ lệ rất cao trong buổi đầu khai sáng Phật giáo phương Tây).

Do đó, rất có thể ẩn sâu trong bản chất văn hóa và truyền thống Do Thái tồn tại một điểm tương thích tự nhiên nào đó với tinh thần Phật giáo.

Dù rằng nhiều nhân vật gốc Do Thái của Phật giáo phương Tây không còn là những tín đồ thực hành tôn giáo thuần túy mà chỉ nhận mình mang sắc tộc Do Thái, họ vẫn lớn lên trong những mái ấm thấm đẫm âm hưởng văn hóa Do Thái (đôi khi vô cùng kính cẩn tôn giáo), một vài người trong số họ vẫn tìm thấy giá trị uy nghiêm, sâu sắc trong cội nguồn ấy.

Trong một bài viết đăng trên trang Embodied Philosophy, Peter Aronson đã chỉ ra một vài điểm tương đồng thú vị giữa giáo lý, thực hành của đạo Do Thái và Phật giáo, trong đó có những sự tương đồng tinh tế giữa Phật giáo và Kabbalah, truyền thống huyền bí thâm sâu của đạo Do Thái.

Trong một bài viết trên Aish, Sara Yoheved Rigler lại nhấn mạnh rằng đạo Do Thái và Phật giáo cũng đối chọi nhau một cách triệt để trong cốt lõi giáo lý của họ.

Một điểm khác biệt then chốt là Phật giáo mang tính chất phi thần luận (non-theistic), trong khi đạo Do Thái thì ngược lại, với đấng Tối Cao (Thượng Đế) đứng ở vị trí trung tâm. Vì lẽ đó, những sợi dây liên kết uyển chuyển giữa hai truyền thống ấy có lẽ chỉ giải thích được phần nào về việc vì sao Phật giáo phương Tây lại mang những cội rễ Do Thái sâu đậm và đặc biệt đến thế.

Tinh thần truy vấn trong văn hóa và đạo Do Thái

Dòng chảy lịch sử và tâm thức Do Thái từ ngàn xưa đã khắc ghi tinh thần truy vấn cùng sự tò mò trí tuệ như một thứ linh hồn cốt lõi. Đó là mạch nguồn tôn vinh tinh thần chất vấn, nghệ thuật tranh biện sắc bén, và cuộc lữ hành miệt mài không mỗi một để chạm đến chân lý của trí tuệ và tri thức.

Vị thế tối thượng dành cho giáo dục, sự hiếu học tường minh cùng tinh thần trí thức uyên bác từng được nhìn nhận là chìa khóa mở cánh cửa thành công vang dội của người Do Thái - minh chứng hùng hồn qua con số 22% tổng số giải Nobel thuộc về họ, dẫu cộng đồng này chỉ chiếm vốn vẹn 0,2% nhân loại. Thế

nhưng, bóng tối của áp lực thành đạt ngự trị trong tâm thức ấy đôi khi hóa thành găm thét của nỗi âu lo và khổ đau tột cùng, hết như những giông bão tâm hồn mà Ram Dass từng trải nghiệm qua.

Chính ngọn lửa truy vấn không biên giới ấy đã thôi thúc bao thế hệ người Do Thái dũng cảm thách thức những tín đức tôn giáo truyền thống để vươn mình nghiên cứu những chân trời đức tin khác. Điều đó soi chiếu và cắt nghĩa cho hai hiện tượng song hành: tỷ lệ cao của chủ nghĩa thế tục và vô thần trong lòng cộng đồng, đồng thời lý giải vì sao họ lại rộng mở tâm hồn đón nhận những giáo lý, thực hành tâm linh Phật giáo đến thế.

Thực tế lịch sử đã minh chứng, không ít người con của dân tộc Do Thái chưa từng cảm thấy đạo giáo của tổ tiên mình xung đột với các hệ thống tín ngưỡng phương Đông. Những lời huấn thị từ phương Đông yên áo đôi khi được ôm trọn như mảnh ghép hoàn hảo bổ khuyết cho truyền thống Do Thái. (Dẫu vậy, như nhà nghiên cứu Rigler từng lý giải, đôi khi vẫn có những vết nứt xung đột nền tảng giữa đạo Do Thái và một số trường phái phương Đông như Phật giáo; việc tôn sùng thái quá một số hình thái Phật giáo - đơn cử như sự chiêm bái đức Phật - có thể bị phán xét là avodah zarah, tức những hình tượng giáo điều bị cấm kỵ).

Sự sùng thượng tính tò mò cùng khát vọng vươn lên đỉnh cao thành tựu trong văn hóa Do Thái phần nào lý giải vì sao những bậc lãnh đạo gốc Do Thái trong phong trào Phật giáo phương Tây lại sở hữu nền tảng học thuật vững chãi nhường ấy. Phần lớn trong số họ đã chạm tay vào học vị tiến sĩ danh giá trước khi bước qua ngã rẽ định mệnh cải đạo sang Phật giáo.

Họ vốn mang sẵn trong tim niềm say mê khôn tả để khám phá các truyền thống tâm linh khác dọc theo những chuyến viễn du dậm dài; và chính hành trang ấy, hòa quyện cùng sự huấn luyện hàn lâm khắc nghiệt, đã trang bị cho họ một bản lĩnh vững chãi để đối thoại với những hệ thống niềm tin xa lạ. Thêm vào đó, xuất thân từ tầng lớp trung lưu hoặc hào phú đã ban tặng cho họ phương tiện vật chất để tự do bước đi, chiêm nghiệm và lưu trú dài ngày trên dải đất phương Đông huyền thoại.

Tuy nhiên, những lăng kính ấy vẫn chưa thể giải mã trọn vẹn vì sao những vị lãnh đạo gốc Do Thái lại bị thu hút một cách mãnh liệt đến thế bởi suối nguồn Phật giáo.

Dĩ nhiên, lịch sử cũng ghi nhận những nhà truyền giáo tâm linh gốc Do Thái từng tận tụy xiển dương những con đường cứu rỗi khác: Ram Dass là một minh chứng rạch ròi khi tự nhận mình là một “HinJew” - đứa con lai giữa tinh thần Ấn Độ giáo và Do Thái giáo; bên cạnh đó là Krishna Das (tên khai sinh Jeffrey

Kagler), người đã bắc nhịp cầu đưa tâm linh Ấn Độ giáo chạm đến phương Tây, biến trào lưu “HinJew” thành một hiện tượng văn hóa rộng lớn hơn.

Nhưng liệu sâu thẳm trong cội nguồn ấy, có chẳng một dòng chảy ngầm tâm linh nào đó, một nguyên nhân nguyên thủy hơn đang ẩn giấu, đưa những tâm hồn mang huyết thống Do Thái tìm về một bến bờ bình yên trọn vẹn trong ngôi nhà Phật giáo?

Tâm lý học, phép chữa lành và khát nguyện được xoa dịu

Phần lớn các bậc trưởng thượng gốc Do Thái trong phong trào Phật giáo Tây phương đã thụ giáo và truyền bá tâm lý học cùng phép trị liệu tâm hồn. Jack Kornfield đã thọ đắc học vị Tiến sĩ tâm lý học tại Đại học Saybrook. Sylvia Boorstein – người cùng với Kornfield, Goldstein, Salzberg và James Baraz đã đặt nền móng cho Trung tâm Thiền định Spirit Rock cũng thọ đắc học vị Tiến sĩ tâm lý học tại Đại học Saybrook. Mark Epstein, một nhà trị liệu tâm hồn chuyên khảo cứu về mối giao hòa giữa Phật giáo và liệu pháp tâm lý, là một bậc hiền tài xuất thân từ Đại học Harvard và hiện đang đảm nhiệm cương vị Phó giáo sư lâm sàng về tâm thần học tại Trường Y thuộc Đại học New York. Ông đã tinh tấn thực hành thiền minh sát (vipassana) từ năm 1974. Bên cạnh đó, Ram Dass đã đạt học vị Tiến sĩ tâm lý học tại Đại học Stanford, rồi sau đó trở thành giáo sư tâm lý học lâm sàng tại Harvard; ông cũng là một bậc túc nho hằng tâm thực hành, xướng minh và truyền bá thiền định.

Nhiều nhân vật trọng yếu trong lĩnh vực tâm lý học và trị liệu tâm hồn đều mang dòng máu Do Thái: Sigmund Freud, Abraham Maslow, Viktor Frankl, Alfred Adler, Irvin Yalom, John Gottman, Erich Fromm, Anna Freud, Bruno Bettelheim, Daniel Kahneman và Francine Shapiro. Trong một khảo luận đăng trên ấn sinh Psychology Today, nhà trị liệu Jason N. Linder (vốn là một người con của đất thánh Do Thái) đã tường giải nguyên do vì sao cơ duyên ấy lại hiển hiện: *“Sự kiến tạo phân tâm học của Freud chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi truyền thống trí tuệ Do Thái vốn đề cao tinh thần vấn nạn, diễn giải và thấu thị tâm thức con người. Các bậc hiền triết Do Thái từ ngàn xưa đã miệt mài nghiên cứu về hạnh vi, luân lý và đạo đức con người - những chủ soái đề tài trong cả kinh điển tôn giáo lẫn thế tục của dân tộc này...”*.

Một góc cạnh cốt tử của văn hóa Do Thái gắn liền với phép trị liệu tâm hồn chính là niệm thức tikkun olam (kiến thiết lại thế gian), đề cao công hạnh chữa lành, từ bình diện cá nhân cho đến cộng đồng đại đồng. Niệm thức này tương hợp khăng khít với cứu cánh của liệu pháp tâm lý, vốn hằng mưu cầu xoa dịu và

củng cố an lạc trong tâm thức cùng các mối tương giao. Tinh thần tự tỉnh, ý thức trách nhiệm đạo đức và khát vọng tầm cầu minh triết trong nền văn hóa Do Thái cũng đồng điệu cùng những nguyên lý của liệu pháp tâm lý - vốn khuyến khích chúng ta thâm nhập nội tâm và nỗ lực chuyển hóa tự thân để kiện toàn sức khỏe tinh thần cùng các mối giao hòa.

Những bậc trí giả ấy đã dung hợp nhãn quan riêng biệt của họ vào lĩnh vực này, chịu sự thấm nhuần sâu xa từ di sản và hành trạng Do Thái giáo.

Sự đề cao tâm tình cộng đồng và mối quan hệ xã hội của Alfred Adler phản ánh thuần khiết đạo lý trách nhiệm cộng đồng của người Do Thái, trong khi liệu pháp ý nghĩa cuộc sống (logotherapy) của Viktor Frankl lại thấm đượm những trải nghiệm thương đau từ họa diệt chủng Holocaust cùng sự chiêm nghiệm về ý chí kiên cường và *“hành trình kiếm tìm ý nghĩa”* của nhân loại. Những cống hiến ấy đã lưu dấu ấn trường tồn trong lịch sử trị liệu tâm hồn.

Truyền thống Midrash của người Do Thái đòi hỏi sự thấu giải và truy tầm tầng nghĩa uyên áo ẩn giấu trong kinh điển thiêng liêng tương đồng mật thiết với công phu diễn giải trong liệu pháp tâm lý, nơi các bậc thầy trị liệu cùng người lữ khách thâm nhập cội nguồn sâu thẳm đằng sau từng tư tưởng, hành vi và trải nghiệm. Phương thức diễn giải này đóng vai trò nền tảng trong vô vàn pháp môn trị liệu, đặc biệt là phân tâm học và liệu pháp tâm động học.

Tương đồng với tâm lý học và phép trị liệu tâm hồn, Phật giáo chú trọng thấu triệt nội tâm nhằm giải tỏa gánh nặng khổ đau cho chúng sinh. Phật giáo và tâm lý học từ lâu đã khăng khít giao hòa. Thật vậy, những lời huấn giáo của đấng Giác Ngộ hoàn toàn có thể được xưng tụng là *“tâm lý học Phật giáo”*, nhiều phương thức trị liệu Tây phương đã dung hợp các pháp môn thiền định Phật giáo, bao gồm liệu pháp giảm stress dựa trên chánh niệm (MBSR, do Goldstein khai sáng), liệu pháp nhận thức dựa trên chánh niệm (MBCT), liệu pháp chấp nhận và cam kết (ACT), liệu pháp tập trung vào lòng từ bi (CFT), cùng liệu pháp hành vi biện chứng (DBT). Các pháp môn này thường ứng dụng những nguyên lý như chánh niệm và lòng trắc ẩn để hỗ trợ tiến trình chữa lành thương tổn tâm hồn.

Bần đạo xin mạn phép luận rằng, một nguyên nhân sinh tử lý giải vì sao Phật giáo Tây phương lại quy tụ đông đảo bậc trưởng thượng gốc Do Thái chính là vì túc duyên sẵn có của người Do Thái đối với tâm lý học và trị liệu tâm hồn. Linder đã chỉ ra những nhân duyên thâm sâu từ văn hóa và đạo giáo Do Thái.

Thiết nghĩ, khía cạnh chuyển hóa, thấu hiểu và vượt thoát khổ đau rất cần được tôn vinh. Vô số người Do Thái phải gánh chịu những vết hằn tâm thần bất nguồn

từ chấn thương thế hệ (đây có lẽ là cội nguồn của định kiến về “người Do Thái ưu tư và loạn thần”, dấu rằng định kiến phiến diện ấy chưa từng phản ánh trọn vẹn sự đa chiều và phức tạp trong nỗi thống khổ tâm hồn của họ).

Những thương tổn di truyền từ thảm họa Holocaust cùng sự khô cằn về tâm linh để chữa lành chúng đã tạo nên một thừa đất màu mỡ cho sự dung nạp một hệ thống tín ngưỡng thay thế (mang đặc tính trị liệu). Phật giáo đã đáp ứng trọn vẹn khát vọng ấy. Thật vậy, Jack Kornfield từng tâm sự về tuổi thơ lớn lên dưới bóng ác ma của người cha bạo ngược Mendel Rubin, một người sống sót qua thảm họa Holocaust. Phụ thân của Sharon Salzberg cũng là một nạn nhân sống sót sau nạn diệt chủng đã nhấn tâm ruồng bỏ gia đình khi bà hãy còn thơ ấu, và chẳng bao lâu sau khi quay về, ông đã tự vẫn bất thành, khiến cuộc đời khép lại trong nhà thương điên – để rồi biệt tích ngàn thu.

Những đứa trẻ Do Thái mang dòng máu của các bậc sinh thành từng trải qua họa bách hại trong Đế Nhị Thế Chiến thường phải gánh chịu những hệ lụy đôn đầu từ chấn thương chưa thể giải tỏa của cha mẹ. Định mệnh nghiệt ngã ấy tái hiện ở mọi sắc tộc từng gặt lệ dưới ách bách hại và lăng nhục. Chúng ta có thể tường kiến điều này qua tác phẩm điện ảnh đầy ám ảnh của New Zealand mang tên *Once Were Warriors* (1990), khắc họa gia đình Heke oằn mình gánh chịu cơn thịnh nộ bạo tàn của người cha Jake. Sự bần cùng, bạo hành gia đình, thảm họa vũ lực và men cay rượu chè mà gia đình thổ dân Māori gánh chịu trong thước phim ấy không phải ngẫu nhiên sinh ra; chúng gắn chặt với lịch sử thực dân hóa trên mảnh đất ấy.

Thật dễ hiểu vì sao người Do Thái lại dễ dàng hướng tâm về những hệ thống tư tưởng tập trung vào căn nguyên và phương dược giải trừ khổ đau nhân thế. Phật giáo chính là hệ thống minh triết mang sứ mệnh ấy. Tứ Thánh Đế của Phật giáo xoay quanh một chữ khổ: bản chất của khổ, nguyên nhân sinh khổ, con đường diệt khổ, và phương thức chứng đắc cõi niết bàn. Lịch sử của người Do Thái và văn hóa Do Thái cũng đắm lệt những trang khổ đau. Ngày lễ Vượt Qua của người Do Thái là dịp tưởng niệm nỗi thống khổ - cảnh ngộ nô lệ của người Israel cổ đại trên đất Ai Cập, và những cuộc bách hại người Do Thái đã trải qua muôn hình vạn trạng trong dòng chảy lịch sử: làm vật tế thần, kỳ thị, những cuộc tàn sát pogrom, truất quyền, cải đạo ép buộc, khủng bố tôn giáo, giam hãm trong các khu ổ chuột (ghetto), và thanh trừng sắc tộc. Dấu rằng các bậc hiền triết Do Thái được luận bàn nơi đây không trực tiếp quặn quai dưới những đòn roi ấy, họ vẫn chịu đựng những chấn động dư ba ở mức độ nào đó. Phật giáo tự thân đã trang bị đầy đủ phương tiện để đối trị với nỗi khổ đau vốn đã trở thành tâm điểm trong kiếp nhân sinh của nhiều người con đất thánh Do Thái.

Phật giáo đề cao một tuệ giác sâu sắc và vững chãi về nỗi khổ tâm thần, tương hợp một cách kỳ lạ với tâm lý học và phép trị liệu Tây phương. Do phần lớn các bậc trí giả Do Thái nền tảng của Phật giáo Tây phương đều được thụ huấn bài bản về tâm lý học và trị liệu tâm hồn, những bộ môn cũng hằng khao khát cứu rỗi khổ đau nhân thế, nên việc Phật giáo Tây phương bám rễ sâu xa vào cội nguồn Do Thái là điều thuận theo tự nhiên. Trong giới hàn lâm râm ran một câu châm ngôn rằng “*ngiên cứu chính là tự cứu*” (research is me-search): điều ta khảo cứu luôn gắn liền với tự thân, bắt nguồn từ khát vọng thấu triệt chính mình. Châm ngôn ấy chiếu soi rõ nét vào trường hợp của những người con Phật giáo gốc Do Thái tại phương Tây.

Nguyên nhân khiến đông đảo người Do Thái quy hướng về Phật giáo có lẽ xuất phát từ khát vọng giải mã nỗi đau của chính họ và tầm cầu một phương dược chữa lành viên mãn; song, như đã tường trình, sức hút tối thượng của Phật giáo nằm ở chỗ đây đồng thời là một phương thức chữa lành mang chiều kích tâm linh. Hơn thế nữa, bản chất Phật giáo không tôn sùng thần linh: Đức Phật không phải là thần thánh; Ngài là một con người bằng xương bằng thịt. Phật giáo có thể được thế tục hóa. Xét trên tỷ lệ cao của chủ nghĩa thế tục và vô thần trong cộng đồng Do Thái, Phật giáo dễ dàng dung hợp vào nhãn quan của vô số người Do Thái.

Những nhân duyên tiềm ẩn đằng sau cội nguồn Do Thái của Phật giáo Tây phương quả thực vô cùng kỳ vĩ, và bản đạo tin rằng vẫn còn đó biên độ rộng lớn cho những cuộc đàm đạo thâm sâu về việc nhân duyên nào mang trọng lượng quyết định hơn cả. Bằng cách quán chiếu những nhân duyên ấy, các Phật tử gốc Do Thái (hay còn gọi là JewBus) hoặc những tâm hồn Do Thái hằng hướng về thiên định và Phật pháp sẽ ngộ ra cách thức mà tự tính văn hóa và trải nghiệm nội tâm đã nhào nặn nên nhãn quan cùng hành trạng thực hành tối ưu cho cuộc đời họ.

Tác giả: **Stephen Kagan**/Viết dịch và biên tập: **Thích Vân Phong**

Nguồn: www.samwoolfe.com